TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-DS	*Tam Bình, ngày 12 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Cao Minh Tân.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên họp: Bà Trần Thúy Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 158/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 73/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Phan Văn C1, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2022 - Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn N1, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

2. Chị Phan Thị T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

3. Anh Phan Thanh V1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

4. Anh Phan Văn C1, sinh năm 1989 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị T2, anh Phan Thanh V1: Anh Phan Văn C1, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2022 - Có mặt).

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Cụ Lê Thị C2, sinh năm 1931 (Vắng mặt).

2. Bà Phan Thị S, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Phan Văn T3, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 16 tháng 12 năm 2022 của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Đặng Thị T1 và trong quá trình phiên họp, anh Phan Văn C1 đại diện bà Đặng Thị T1 trình bày:

Bà Đặng Thị T1 và ông Phan Văn N1 là vợ chồng hợp pháp (hôn nhân thực tế, chung sống tại ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, từ năm 1980 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn), có với nhau 03 người con chung gồm chị Phan Thị T2, anh Phan Thanh V1, anh Phan Văn C1, không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Cả hai cùng tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất do ông N1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số D 072XX78 vào sổ số 21XX2 cấp ngày 25/3/1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số R 14XX68 vào sổ số 39XX7 cấp ngày 18/3/2001 gồm: Thửa đất số 4X4 - diện tích 5.290 m^2 - loại đất ruộng 2 vụ lúa, thửa đất số 10X5 - diện tích 1.940 m^2 - loại đất cây ăn quả, thửa đất số 10X3 - diện tích 860 m^2 - loại đất vườn, thửa đất số 10X4 - diện tích 3.280 m^2 - loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 3, địa chỉ ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 31/10/2010, ông N1 bỏ đi khỏi nơi cư trú và biệt tích kể từ đó không trở về. Bà T1 đã liên tục nhiều năm tổ chức tìm kiếm tung tích ông N1 ở nhiều nơi và áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc đăng, phát Quyết định số 06/2023/QĐ-TA ngày 27/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích trên Báo Pháp luật Việt Nam các số 32, 33, 34 các ngày 01, 02 và ngày 03/02/2023; trên Đài truyền hình Việt Nam các ngày 01, 02 và ngày 03/02/2023; trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ngày 02/02/2023 nhưng đến nay vẫn không có tin tức xác thực về việc ông N1 còn sống hay đã chết. Việc ông N1 biệt tích đã làm ảnh hưởng đến việc quản lý khối tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản của ông N1 về sau nếu có phát sinh theo quy định của pháp luật.

Nay bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố ông Phan Văn N1, sinh năm 1956, địa chỉ cư trú cuối cùng ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long mất tích.

- Giao cho bà T1 tiếp tục quản lý tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 414 - diện tích 5.290 m^2 - loại đất ruộng 2 vụ lúa, thửa đất số 1015 - diện tích 1.940 m^2 - loại đất cây ăn quả, thửa đất số 1013 - diện tích 860 m^2 - loại đất vườn, thửa đất số 1014 - diện tích 3.280 m^2 - loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 3, địa chỉ ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị T2, anh Phan Thanh V1, anh Phan Văn C1 và trong quá trình phiên họp, anh C1 đồng thời đại diện chị T1, anh V1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà T1 về quan hệ hôn nhân, gia đình; về quyền sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên là khối tài sản chung của ông N1, bà T1, hiện bà T1 đang quản lý; về thời điểm ông N1 bỏ đi biệt tích và việc bà T1 liên tục nhiều năm tổ chức tìm kiếm, thông báo tìm kiếm ông N1 trên các phương tiện truyền thông báo, đài truyền hình của trung ương nhưng đến nay vẫn không có tin tức xác thực về việc ông N1 còn sống hay đã chết.

Nay các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T1, không có ý kiến gì khác.

Tại đơn xin xác nhận thông tin cư trú ngày 18 tháng 10 năm 2022 của bà Đặng Thị T1 đối với ông Phan Văn N1; các tờ xác nhận ngày 19 tháng 10 năm 2022 của người làm chứng cụ Lê Thị C2 (mẹ ruột ông N1), bà Phan Thị S và ông Phan Văn T3 (em ruột ông N1); các tờ xác nhận ngày 21 tháng 10 năm 2022 của ông Phan Thanh V2 (Trưởng ấp N2), ông Phạm Công T4 (Công an viên phụ trách địa bàn ấp N2); các biên bản xác minh ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đối với bà S, ông T4, ông V2 thể hiện:

Năm 1980, ông N1, bà T1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại địa chỉ ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nơi đăng ký thường trú. Ông N1 bỏ đi khỏi nơi cư trú, không trình báo nơi đến, bỏ đi từ tháng 10/2010 đến nay không trở về, hiện không có mặt tại địa phương.

Tại phiên họp sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết việc dân sự từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về việc giải quyết việc dân sự: Trên cơ sở nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, người đại diện của đương sự, người làm chứng, xác nhận của Công an xã P, người có thẩm quyền phụ trách ấp N2, kết quả áp dụng biện pháp thông báo, tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật về tố tụng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp, được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong bản phát biểu. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T1, chấp nhận ý kiến đề nghị của chị T2, anh V1, anh C1 giải quyết:

- Về nội dung:

+ Tuyên bố ông Phan Văn N1, sinh năm 1956, địa chỉ cư trú cuối cùng ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long mất tích.

+ Áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích: Giao cho bà T1 tiếp tục quản lý tài sản chung của ông N1 và bà T1 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 4X4 - diện tích 5.290 m^2 - loại đất ruộng 2 vụ lúa, thửa đất số 10X5 - diện tích 1.940 m^2 - loại đất cây ăn quả, thửa đất số 10X3 - diện tích 860 m^2 - loại đất vườn, thửa đất số 10X4 - diện tích 3.280 m^2 - loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 3, địa chỉ ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Xét bà T1 là người cao tuổi có đơn miễn nộp tạm ứng lệ phí và lệ phí Tòa án hợp lệ, đã được Tòa án xét miễn nộp tạm ứng lệ phí, yêu cầu của bà T1 được chấp nhận. Nên miễn cho bà T1 không phải nộp lệ phí số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về yêu cầu và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 387 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, có yêu cầu áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục phiên họp: Xét tại phiên họp ông N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ C2, bà S, ông T3 là người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp hợp lệ vắng mặt, cụ C2, bà S, ông T3 có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt ông N1 và những người làm chứng có tên nêu trên theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét lời trình bày của bà T1, chị T2, anh V1, anh C1 là phù hợp với ý kiến trình bày của người làm chứng cụ C2, bà S, ông T3, xác nhận của Công an xã P, ông T4, ông V2 người có thẩm quyền phụ trách ấp N2, kết quả thực hiện việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích theo Quyết định số 06/2023/QĐ-TA ngày 27/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình trên Báo Pháp luật Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Đủ cơ sở kết luận, ông N1 có địa chỉ cư trú cuối cùng ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã biệt tích từ ngày 31/10/2010 đến nay không có tin tức xác thực về việc ông N1 còn sống hay đã chết; quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 4X4, 10X3, 10X4 và 10X5 là tài sản chung của bà T1, ông N1, hiện do bà T1 đang quản lý.

[2] Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 68, Điều 69 Bộ luật Dân sự; Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu của bà T1, chấp nhận ý kiến đề nghị của chị T2, anh V1, anh C1.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Xét bà T1 là người cao tuổi, trước khi thụ lý việc dân sự bà T1 có đơn miễn nộp tạm ứng lệ phí và lệ phí hợp lệ đã được Tòa án miễn nộp tạm ứng lệ phí, yêu cầu của bà T1 được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; áp dụng khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết miễn cho bà T1 không phải nộp lệ phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 68, Điều 69 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

- Áp dụng khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Giải quyết:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị T1, chấp nhận đề nghị của chị Phan Thị T2, anh Phan Thanh V1, anh Phan Văn C1.

1.1. Tuyên bố ông Phan Văn N1, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú cuối cùng ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long mất tích.

1.2. Về việc quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích:

1.2.1. Giao tài sản chung của ông Phan Văn N1 và bà Đặng Thị T1 là quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát hành số D 072XX78 vào sổ số 21XX2 cấp ngày 25 tháng 3 năm 1995 và số R 14XX68 vào sổ số 39XX7 cấp ngày 18 tháng 3 năm 2001 cho bà Đặng Thị T1 tiếp tục quản lý gồm: Thửa đất số 4X4 - diện tích 5.290 m^2 - loại đất ruộng 2 vụ lúa, thửa đất số 10X5 - diện tích 1.940 m^2 - loại đất cây ăn quả, thửa đất số 10X3 - diện tích 860 m^2 - loại đất vườn, thửa đất số 10X4 - diện tích 3.280 m^2 - loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 3, địa chỉ ấp N2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

1.2.2. Trong thời gian quản lý tài sản, bà Đặng Thị T1 có các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 66, Điều 67 Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn cho bà Đặng Thị T1 không phải nộp lệ phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Phiên họp được mở công khai. Có mặt anh Phan Văn C1; vắng mặt bà Đặng Thị T1, ông Phan Văn N1, chị Phan Thị T2, anh Phan Thanh V1. Báo cho anh C1 có mặt biết có quyền kháng cáo, có quyền đại diện bà T1, chị T2, anh V1 kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định để Tòa án cấp trên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; riêng bà T1, ông N1, chị, T2, anh V1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- NYC + ĐD.NYC + NLQ + ĐD.NLQ: 07;
- CCTHADS huyện Tam Bình: 01;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ việc dân sự: 01;
- Lưu án văn: 06.

(Đã ký)

Cao Minh Tân